

Bản số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v Tranh chấp về ly hôn, con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng
Bà Trần Thị Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Như Như Nhung – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: TDP số D, TT. S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Quỳnh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt lần thứ hai)

Trú tại: TDP số D, TT. S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày: Anh và chị Nguyễn Quỳnh T1 kết hôn với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại TDP D, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống không hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T1 đi làm công nhân. Vợ chồng không cùng quan điểm sống nên hai bên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Nay anh T xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/01/2013. Hiện nay cháu C đang ở cùng với anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu C và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thùy C thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm việc trực tiếp với ông Vũ Đình C1 – Tổ trưởng TDP số 4, TT. S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại biên bản làm việc ngày 29/7/2024, ông C1 cung cấp thông tin như sau: Vợ chồng anh T và chị T1 cùng cư trú tại TDP số D, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Ông biết việc vợ chồng anh T và chị T1 mâu thuẫn do chị thương đi làm công ty không gửi tiền về cho anh T nuôi con. Ông C1 đã nói chuyện với anh T về mâu thuẫn vợ chồng để tìm cách khắc phục nhưng anh T xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau nên anh T gửi đơn lên Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1. Do chị T1 đi làm công ty, không về nhà nên Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị T1 cũng đã được Tòa án báo gọi qua điện thoại để về Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị T1 báo bận công việc không thể về giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa vắng mặt chị T1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật theo Điều 70, 72 BLTTDS. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 174, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Chí T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy C cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản. Không xem xét về phần cấp dưỡng do không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Chí T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Quỳnh T1, bị đơn đang cư trú tại thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Quỳnh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thì thấy, anh T xin ly hôn chị T1 do không cùng quan điểm sống. Theo xác minh với tổ trưởng TDP số D, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định vợ chồng anh T và chị T1 mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp xây dựng cuộc sống chung. Chị T1 đi làm công ty cũng không thường xuyên về để thăm nom con chung và vun đắp tình cảm vợ chồng. Vì vậy, hai bên rạn nứt tình cảm dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị T1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên không còn tìm thấy sự gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người không còn chung sống với nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh Nguyễn Chí T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh T1.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Quỳnh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/01/2013. Cháu T1 đang ở cùng với bố là anh Nguyễn Chí T. Xét thấy, cháu C đang sinh sống ổn định với anh T và có nguyện vọng ở với anh T. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Chí T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thùy C là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí T đối với chị Nguyễn Quỳnh T1 cho anh Nguyễn Chí T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/01/2013 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Quỳnh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại năm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007260 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

Anh Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Quỳnh T1 vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- UBND TT. Sông Cầu;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

